TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích

Ông Nguyễn Kim Thành

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đỗ Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Diệu Ny - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 411/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 411/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị Thùy O, sinh năm 1998; CCCD số 052198012968, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 27/12/2021; nơi đăng ký thường trú: Thôn Â, xã H, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ nhận thông báo: Số F đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư Công ty L-Chi nhánh Đ; địa chỉ: Số F đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1995; CCCD số 048095005881, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 16/8/2021; địa chỉ: P Chung cư E đường D, tổ E, phường S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị Thùy O trình bày:

Bà và ông Phạm Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng) vào tháng 10 năm 2020. Sau khi kết hôn, bà và ông T1 sống tại nhà chồng ở phường S, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã vì ông T1 không có công việc làm ổn định, thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập bà, nên không khí gia đình luôn căng thẳng ngột ngạt, ảnh hưởng đến con và cha mẹ hai bên. Mặc dù bà luôn cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng tình hình mâu thuẫn vẫn không cải thiện được, bà và ông T1 đã phần ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ tháng 9/2025 đến nay, nay bà không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng bà có một con chung là Phạm Thảo U, sinh ngày 11/3/2021, khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), vì cháu U hiện còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của bà, và bà là người trực tiếp chăm sóc cháu U từ lúc sinh ra đến nay, đến khi bà không sống chung với ông T1, thì bà cũng dẫn cháu ra ở với bà, hiện cháu đang ở với bà ổn định, bà có công việc và có thu nhập, nên đề nghị giao cháu U cho bà tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và đời sống tinh thần của cháu. Bà không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, vì ông T1 không có công việc làm, không có thu nhập.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T1

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn T1 nhưng ông T1 từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án (thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,…) và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Thùy O.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Đào Thị Thùy O trình bày ý kiến: Quá trình chung sống vợ chồng bà O và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình giải quyết cho bà O được ly hôn với ông T1; về con chung, đề nghị giao cháu U cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu U đủ 18 tuổi, vì hiện cháu U còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của bà O và bà O là người trực tiếp chăm sóc cháu từ nhỏ đến nay, khi bà O không sống chung với ông T1 thì bà O đã dẫn cháu ra ở với bà, hiện cháu U đang ở với bà O ổn định, bà O có chỗ ở ổn định và thu nhập đảm bảo có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Việc tiếp tục giao cháu U cho bà O nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự ổn

định trong sinh hoạt và đời sống tinh thần của cháu, bảo đảm quyền và lợi ích của con chưa thành niên, đáp ứng nguyên tắc đặt lợi ích tốt nhất của trẻ em làm căn cứ ưu tiên hàng đầu theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà O không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, vì ông T1 không có công việc làm, không có thu nhập; về tài sản chung và nợ chung bà O và không T1 không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đào Thị Thùy O, cho bà O được ly hôn với ông T1; về nuôi con đề nghị căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Thảo U, sinh ngày 11/3/2021 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con, bà O không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung bà O xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đào Thị Thùy O khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Văn T1 cư trú tại phường S, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không hợp tác từ chối nhận văn bản tố tụng, vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị Thùy O và ông Phạm Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận S (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng), nên hôn nhân của bà O và ông T1 là hợp pháp. Theo trình bày của bà O trong quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vì ông T1 không có công việc làm ổn định, thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập bà, nên không khí gia đình luôn căng thẳng ngột ngạt. Mặc dù bà đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không cải

thiện được, bà và ông T1 đã phần ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ tháng 9/2025 đến nay, hiện bà không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành việc hòa giải và ông T1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O thể hiện ông T1 không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà O và ông T1 đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà O được ly hôn với ông T1, là có căn cứ và phù hợp với thực tế.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà O và ông T1 có một con chung là Phạm Thảo U, sinh ngày 11/3/2021. Nguyện vọng của bà O khi ly hôn là được trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, hiện nay bà O có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc con, nên giao con cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, là phù hợp với Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do ông T1 không đến Tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà O xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Bà O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Thùy O về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* đối với bị đơn ông Phạm Văn T1.

- Bà Đào Thị Thùy O được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thảo U, sinh ngày 11/3/2021 cho bà Đào Thị Thùy O trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đào Thị Thùy O phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn)* đồng bà O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006408 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03-6-2026); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 2-Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 2-Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà, Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Vân

TAND KHU VỰC 2
GIW030626.TL.QDBA
1330